

Số: 47 /PIT-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2026



PETROLIMEX

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

**1. Tổ chức công bố thông tin:**

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Petrolimex
- Mã chứng khoán/Mã thành viên: PIT
- Địa chỉ: 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, Phường An Đông, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ: 028-38383400 Fax: 028-38383500
- E-mail: [pitco@pitco.com.vn](mailto:pitco@pitco.com.vn)

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công bố Báo cáo tài chính năm 2025 bao gồm:

- \* Báo cáo tài chính riêng năm 2025
- \* Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/03/2026 tại đường dẫn [www.pitco.com.vn/quan\\_hệ\\_cổ\\_đồng/](http://www.pitco.com.vn/quan_hệ_cổ_đồng/) thông tin công bố.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Đại diện tổ chức**

**Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN MINH HUỲNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 34

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**  
54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776741 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2004 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 23 ngày 13/01/2026 do Sở tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi địa chỉ Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 ngày 13/01/2026 là: 151.993.450.000 VND (Bằng chữ: *Một trăm năm mươi một tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX INTERNATIONAL TRADING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: PITCO.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã giao dịch: PIT. Tại ngày Báo cáo này, Cổ phiếu PIT giữ nguyên diện cảnh báo theo Quyết định số 404/QĐ-SGDHCM ngày 21/06/2022 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 1518/TB-SGDHCM ngày 21/8/2025 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Vũ Cường	Thành viên
Ông Văn Tuấn Anh	Thành viên
Bà Đậu Khánh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Cường	Thành viên độc lập

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban kiểm soát
Bà Lê Thúy Đào	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Minh Huỳnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/3/2025)
Ông Trần Trung Kiên	Quyền Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 01/3/2025)
Ông Văn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mỹ Trang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2025)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Minh Huỳnh**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Số: 85/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex, được lập ngày 13/03/2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

---

**Lưu Minh Tới****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>220.982.797.229</b>	<b>221.813.210.418</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.405.230.029</b>	<b>2.417.327.510</b>
1. Tiền	111		2.405.230.029	2.417.327.510
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>4.029.922.558</b>	<b>4.029.922.558</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.029.922.558	4.029.922.558
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.093.500.588</b>	<b>51.430.103.147</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	90.451.853.682	69.447.996.516
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.709.851.405	8.691.848.115
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.900.014.677	5.270.757.092
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(31.987.104.895)	(31.987.104.895)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		18.885.719	6.606.319
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>79.536.090.532</b>	<b>112.255.814.614</b>
1. Hàng tồn kho	141		80.735.700.476	114.418.142.409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.199.609.944)	(2.162.327.795)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>62.918.053.522</b>	<b>51.680.042.589</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	647.014.278	803.681.822
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		58.721.168.674	47.360.004.257
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	3.549.870.570	3.516.356.510
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>57.597.709.827</b>	<b>63.571.022.123</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	5.000.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.259.070.160</b>	<b>17.676.061.883</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	14.378.355.374	15.610.781.265
- Nguyên giá	222		71.919.290.979	70.920.810.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.540.935.605)	(55.310.029.714)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	1.880.714.786	2.065.280.618
- Nguyên giá	228		4.255.568.140	4.255.568.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.374.853.354)	(2.190.287.522)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>41.183.598.256</b>	<b>45.704.137.762</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.975.000.000	7.975.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(86.791.401.744)	(82.270.862.238)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>150.041.411</b>	<b>185.822.478</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	150.041.411	185.822.478
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>278.580.507.056</b>	<b>285.384.232.541</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>168.470.038.845</b>	<b>173.109.323.673</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>165.843.831.179</b>	<b>170.483.116.007</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.335.284.209	12.438.639.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.969.148.345	725.710.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	-	1.255.441
4. Phải trả người lao động	314		80.880.163	3.330.451.233
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	200.874.177	901.792.681
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	633.455.135	666.768.286
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	157.617.853.670	152.412.162.912
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.335.480	6.335.480
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.626.207.666</b>	<b>2.626.207.666</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	2.626.207.666	2.626.207.666
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>110.110.468.211</b>	<b>112.274.908.868</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>110.110.468.211</b>	<b>112.274.908.868</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.993.450.000	151.993.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.993.450.000	151.993.450.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.457.247.680)	(27.292.807.023)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(27.292.807.023)	(30.057.469.584)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(2.164.440.657)	2.764.662.561
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>278.580.507.056</b>	<b>285.384.232.541</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Mỹ Dung

Hồ Thị Hòa

Trần Minh Huỳnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	639.865.912.159	617.135.598.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	116.874.005	149.479.974
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	639.749.038.154	616.986.118.059
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	600.996.657.503	570.504.243.904
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		38.752.380.651	46.481.874.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.599.157.620	8.094.817.285
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.623.089.721	13.616.563.343
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.358.114.197	9.149.328.020
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	12.194.645.652	18.051.901.570
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	14.570.600.043	19.365.470.736
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(2.036.797.145)	3.542.755.791
11. Thu nhập khác	31	6.6	405.803.094	44
12. Chi phí khác	32	6.6	533.446.606	18.563.795
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(127.643.512)	(18.563.751)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(2.164.440.657)	3.524.192.040
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	759.529.479
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(2.164.440.657)	2.764.662.561

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Mỹ Dung

Hồ Thị Hòa

Trần Minh Huỳnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.164.440.657)	3.524.192.040
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.415.471.723	2.568.305.279
- Các khoản dự phòng	03		3.557.821.655	4.553.321.168
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		121.959.815	(215.169.736)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(606.399.929)	(511.077.529)
- Chi phí lãi vay	06		14.358.114.197	9.149.328.020
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		17.682.526.804	19.068.899.242
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.166.524.118)	5.639.594.238
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		33.682.441.933	(43.580.407.353)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.858.936.437)	10.440.435.242
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		192.448.611	(91.597.817)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.344.600.492)	(9.123.077.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.812.643.699)	(17.646.153.456)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(998.480.000)	(1.992.352.963)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		606.399.929	511.077.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(392.080.071)	(1.481.275.434)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		519.946.061.519	563.785.565.255
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(514.740.370.761)	(542.941.459.490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.205.690.758	20.844.105.765
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		966.988	1.716.676.875
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.417.327.510	485.201.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.064.469)	215.449.319
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	2.405.230.029	2.417.327.510

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Mỹ Dung

Hồ Thị Hòa

Trần Minh Huỳnh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776741 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2004 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 23 ngày 13/01/2026 do Sở tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi địa chỉ Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 ngày 13/01/2026 là: 151.993.450.000 VND (Bằng chữ: *Một trăm năm mươi một tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX INTERNATIONAL TRADING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: PITCO.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã giao dịch: PIT. Tại ngày Báo cáo này, Cổ phiếu PIT giữ nguyên diện cảnh báo theo Quyết định số 404/QĐ-SGDHCM ngày 21/06/2022 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 1518/TB-SGDHCM ngày 21/8/2025 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 54 -56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 66 người (tại ngày 31/12/2024 là 69 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc, thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn chuyên doanh vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng, mua bán hàng tiêu dùng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có Công ty con, đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản xuất sơn, vecni và các chất sơn	100%	100%	100%
<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex - Xi nghiệp nông sản Tân Uyên	Số 577/E, tổ 5, khu phố 3, phường Bình Cơ, thành phố Hồ Chí Minh				

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

##### ***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

##### ***Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng***

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (phải thu khách hàng): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư khác***

***Đầu tư vào Công ty con:*** Các khoản đầu tư vào Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03-05 năm.

#### ***Tài sản cố định vô hình khác***

Tài sản cố định vô hình khác là chứng chỉ LEED, đây là một giấy chứng nhận tuân thủ các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng và tạo ra một môi trường xanh mà toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới giấy chứng nhận. Chứng chỉ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Tài sản cố định vô hình khác là nhãn hiệu hàng hóa mà toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới nhãn hiệu. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chứng nhận thực phẩm**

Các giấy chứng nhận thực phẩm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 12 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty (gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả (tiếp theo)**

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Được trích trước dựa trên dư nợ gốc, lãi suất, số ngày tính lãi của khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần.
- Chi phí kinh doanh: Là các chi phí vận chuyển và chi phí sơ chế thành phẩm được trích trước dựa trên hợp đồng và các biên bản xác nhận nhưng chưa có hóa đơn GTGT.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng trong nước và xuất khẩu (tiêu, quế), doanh thu từ kinh doanh xăng dầu và dịch vụ khác.

**Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

*Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	125.516.979	151.392.147
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.279.713.050	2.265.935.363
<b>Tổng</b>	<b>2.405.230.029</b>	<b>2.417.327.510</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**  
54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông  
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Đối tượng đầu tư	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>4.029.922.558</b>		<b>4.029.922.558</b>	
Công ty Cổ phần Âu Lạc (14.040 cổ phiếu)	410.000.000	(i)	410.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai - SDN (330.380 cổ phiếu) (ii)	3.619.922.558	8.589.880.000	3.619.922.558	10.406.970.000
<b>Tổng</b>	<b>4.029.922.558</b>		<b>4.029.922.558</b>	

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (mã giao dịch: SDN) được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu SDN trên sàn HNX và số cổ phiếu Công ty đang nắm giữ. Cụ thể, tại ngày 31/12/2025, giá trị hợp lý của cổ phiếu SDN được tính toán bằng giá đóng cửa là 26.000 VND/cổ phiếu x 330.380 Cổ phiếu (Tại ngày 31/12/2024, giá trị hợp lý của cổ phiếu SDN được tính toán bằng giá đóng cửa là 31.500 VND/cổ phiếu x 330.380 cổ phiếu).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**  
54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông  
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**b. Đầu tư góp vốn vào Công ty con và đơn vị khác**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2025		01/01/2025	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc hợp lý	Dự phòng	Giá gốc hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			120.000.000.000	(78.816.401.744)	120.000.000.000	(74.295.862.238)
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	100%	100%	120.000.000.000	(78.816.401.744)	120.000.000.000	(74.295.862.238)
Đầu tư vào đơn vị khác			7.975.000.000	(7.975.000.000)	7.975.000.000	(7.975.000.000)
Công ty Cổ phần Kim loại Màu Nghệ Tĩnh	5,79%	5,79%	7.975.000.000	(7.975.000.000)	7.975.000.000	(7.975.000.000)
<b>Tổng</b>			<b>127.975.000.000</b>	<b>(86.791.401.744)</b>	<b>127.975.000.000</b>	<b>(82.270.862.238)</b>

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	9.538.272.918	9.538.272.918
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Công S Tạo	7.155.951.663	7.155.951.663
VNJT Investment Import Export Company Limited	9.122.162.300	5.803.000.000
Gyma Food Industries LLC	5.536.582.853	-
Aliments Medaillon Foods Inc	10.540.760.032	6.325.221.411
Ispice Foods	19.753.135.827	3.298.064.034
Les Aliment Cell Foods Inc.	-	8.909.437.500
Schiff Food Products Co., Inc	-	12.722.803.125
Các đối tượng khác	28.804.988.089	15.695.245.865
<b>Tổng</b>	<b>90.451.853.682</b>	<b>69.447.996.516</b>

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Nông sản Duy Tân	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản An Thái	3.306.600.448	3.306.600.448
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông Sản Đăng Nguyên	-	1.749.999.520
Các đối tượng khác	1.603.250.957	835.248.147
<b>Tổng</b>	<b>7.709.851.405</b>	<b>8.691.848.115</b>

**5.5. Phải thu khác**

	<b>31/12/2025 (VND)</b>		<b>01/01/2025 (VND)</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.900.014.677</b>	<b>(799.436.138)</b>	<b>5.270.757.092</b>	<b>(799.436.138)</b>
Tạm ứng	4.538.114.732	-	3.911.678.775	-
Phải thu khác	1.361.899.945	(799.436.138)	1.359.078.317	(799.436.138)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>5.905.014.677</b>	<b>(799.436.138)</b>	<b>5.275.757.092</b>	<b>(799.436.138)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.6. Nợ xấu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2025 (VND)			Tại ngày 01/01/2025 (VND)				
	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
<b>1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>24.581.276.809</b>	<b>(24.581.276.809)</b>	-		<b>24.581.276.809</b>	<b>(24.581.276.809)</b>	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Công nghệ Á Châu	> 3 năm	1.905.426.472	(1.905.426.472)	-	> 3 năm	1.905.426.472	(1.905.426.472)	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Công S Tạo	> 3 năm	7.155.951.663	(7.155.951.663)	-	> 3 năm	7.155.951.663	(7.155.951.663)	-
Công ty Cổ phần Thép Mới	> 3 năm	2.029.050.529	(2.029.050.529)	-	> 3 năm	2.029.050.529	(2.029.050.529)	-
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	> 3 năm	9.538.272.918	(9.538.272.918)	-	> 3 năm	9.538.272.918	(9.538.272.918)	-
Công ty TNHH Đông Á	> 3 năm	960.621.809	(960.621.809)	-	> 3 năm	960.621.809	(960.621.809)	-
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	2.991.953.418	(2.991.953.418)	-	> 3 năm	2.991.953.418	(2.991.953.418)	-
<b>2. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>6.606.391.948</b>	<b>(6.606.391.948)</b>	-		<b>6.606.391.948</b>	<b>(6.606.391.948)</b>	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Duy Tân	> 3 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	> 3 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-
Công ty TNHH Khoáng sản An Thái	> 3 năm	3.306.600.448	(3.306.600.448)	-	> 3 năm	3.306.600.448	(3.306.600.448)	-
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	499.791.500	(499.791.500)	-	> 3 năm	499.791.500	(499.791.500)	-
<b>3. Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>799.436.138</b>	<b>(799.436.138)</b>	-		<b>799.436.138</b>	<b>(799.436.138)</b>	-
Công ty Cổ phần Thép Mới	> 3 năm	331.235.902	(331.235.902)	-	> 3 năm	331.235.902	(331.235.902)	-
Công ty TNHH MTV Thành viên Gia vị Hương	> 3 năm	447.520.000	(447.520.000)	-	> 3 năm	447.520.000	(447.520.000)	-
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	20.680.236	(20.680.236)	-	> 3 năm	20.680.236	(20.680.236)	-
<b>Tổng</b>		<b>31.987.104.895</b>	<b>(31.987.104.895)</b>	-		<b>31.987.104.895</b>	<b>(31.987.104.895)</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.7. Hàng tồn kho**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.734.532.849	(1.199.609.944)	66.988.441.731	(2.162.327.795)
Thành phẩm	43.649.436.493	-	46.531.038.648	-
Hàng hóa	11.351.731.134	-	441.990.030	-
Hàng gửi bán	-	-	456.672.000	-
<b>Tổng</b>	<b>80.735.700.476</b>	<b>(1.199.609.944)</b>	<b>114.418.142.409</b>	<b>(2.162.327.795)</b>

Công ty đang thế chấp hàng tồn kho (bình quân/lưu chuyển) để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn, với giá trị tại ngày 31/12/2025 79.536.090.532 VND (tại ngày 01/01/2025: 113.961.470.409 VND) xem chi tiết tại *Thuyết minh số 5.15.*

**5.8. Chi phí trả trước**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>647.014.278</b>	<b>803.681.822</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.284.167	59.185.620
Chứng nhận thực phẩm	81.877.289	22.233.331
Chi phí sửa chữa	51.747.723	-
Các chi phí khác	506.105.099	722.262.871
<b>b) Dài hạn</b>	<b>150.041.411</b>	<b>185.822.478</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	24.359.851	36.804.025
Chi phí thuê hoạt động trả trước	-	14.749.998
Các chi phí khác	125.681.560	134.268.455
<b>Tổng</b>	<b>797.055.689</b>	<b>989.504.300</b>

**5.9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>1.255.441</b>	<b>657.937.646</b>	<b>659.193.087</b>	-
Thuế GTGT	-	215.091.305	215.091.305	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	65.781.066	65.781.066	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.255.441	368.719.345	369.974.786	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.845.930	1.845.930	-
Các loại thuế và lệ phí khác	-	6.500.000	6.500.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>3.516.356.510</b>	-	<b>33.514.060</b>	<b>3.549.870.570</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.509.457.956	-	-	3.509.457.956
Thuế thu nhập cá nhân	6.898.554	-	33.514.060	40.412.614

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**  
54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông  
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	33.050.111.163	30.853.249.390	4.249.556.921	2.767.893.505	70.920.810.979
Tăng trong năm	-	998.480.000	-	-	998.480.000
Mua trong năm	-	998.480.000	-	-	998.480.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	33.050.111.163	31.851.729.390	4.249.556.921	2.767.893.505	71.919.290.979
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	22.838.545.004	27.672.518.315	2.309.283.875	2.489.682.520	55.310.029.714
Tăng trong năm	1.242.380.568	538.811.741	333.492.600	116.220.982	2.230.905.891
Khấu hao trong năm	1.242.380.568	538.811.741	333.492.600	116.220.982	2.230.905.891
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	24.080.925.572	28.211.330.056	2.642.776.475	2.605.903.502	57.540.935.605
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2025	10.211.566.159	3.180.731.075	1.940.273.046	278.210.985	15.610.781.265
Tại ngày 31/12/2025	8.969.185.591	3.640.399.334	1.606.780.446	161.990.003	14.378.355.374

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 11.949.335.458 VND (tại ngày 01/01/2025 là 14.667.259.660 VND).  
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vẫn còn giá trị tại ngày 31/12/2025 là 43.246.089.538 VND (tại ngày 01/01/2025 là 39.507.157.538 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.205.192.140	2.096.861.000	953.515.000	4.255.568.140
Tăng trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	1.205.192.140	2.096.861.000	953.515.000	4.255.568.140
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	1.792.525.234	397.762.288	2.190.287.522
Tăng trong năm	-	132.170.832	52.395.000	184.565.832
Khấu hao trong năm	-	132.170.832	52.395.000	184.565.832
Số dư tại ngày 31/12/2025	-	1.924.696.066	450.157.288	2.374.853.354
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2025	1.205.192.140	304.335.766	555.752.712	2.065.280.618
Tại ngày 31/12/2025	1.205.192.140	172.164.934	503.357.712	1.880.714.786

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 1.205.192.140 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.205.192.140 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 1.606.673.500 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.606.673.500 VND).

**5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dũng Thu Đạt	-	-	7.663.211.580	7.663.211.580
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hoàng Gia Tuấn	-	-	2.059.160.620	2.059.160.620
Dongguan Lucky Tin Co., Ltd	713.234.080	713.234.080	-	-
Công ty TNHH Glory Alliance	520.337.721	520.337.721	136.438.530	136.438.530
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thăng Lợi	1.125.705.600	1.125.705.600	803.887.200	803.887.200
Các đối tượng khác	1.976.006.808	1.976.006.808	1.775.941.480	1.775.941.480
<b>Tổng</b>	<b>4.335.284.209</b>	<b>4.335.284.209</b>	<b>12.438.639.410</b>	<b>12.438.639.410</b>

*Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)*

	140.337.752	140.337.752	100.521.015	100.521.015
--	-------------	-------------	-------------	-------------

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí lãi vay	165.925.868	152.412.163
Trích trước chi phí kinh doanh	34.948.309	749.380.518
<b>Tổng</b>	<b>200.874.177</b>	<b>901.792.681</b>

**5.14. Phải trả khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>633.455.135</b>	<b>666.768.286</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	39.526.011	39.526.011
Kinh phí công đoàn	21.084.842	96.432.311
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	5.689.978	6.418.468
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	493.929.819	493.929.819
Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.224.485	30.461.677
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.626.207.666</b>	<b>2.626.207.666</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.626.207.666	2.626.207.666
<b>Tổng</b>	<b>3.259.662.801</b>	<b>3.292.975.952</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**  
54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông  
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (i)	107.933.859.613	107.933.859.613	405.814.964.740	450.293.268.039
Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	49.683.994.057	49.683.994.057	114.131.096.779	64.447.102.722
<b>Tổng</b>	<b>157.617.853.670</b>	<b>157.617.853.670</b>	<b>519.946.061.519</b>	<b>514.740.370.761</b>
				<b>152.412.162.912</b>

(i) Vay Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển theo Hợp đồng tín dụng số 441/2025/0016/HĐTDHM-DN/PGBankSG ký ngày 18/08/2025

Hạn mức tín dụng 180.000.000.000 VND

Mục đích vay Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay Không quá 03 - 06 tháng theo từng khế ước nhận nợ

Lãi suất vay Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Hình thức đảm bảo tiền vay + Bất động sản thuộc sở hữu đất số 98, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại Phường Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Thông qua Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác gắn liền với đất và sổ phát hành: BE 300577 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00420 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/10/2011, giá trị tài sản đảm bảo tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 96.419.000.000 VND.

+ Hàng tồn kho bình quân/luân chuyển của Công ty

+ Quyền đòi nợ từ các khoản phải thu của Công ty.

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 107.933.859.613 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng tín dụng số 31336.25.32901097 ký ngày 18/09/2025

Hạn mức tín dụng	75.000.000.000 VND
Mục đích vay	Phục vụ hoạt động chế biến và thương mại tiêu, gia vị khác của khách hàng
Thời hạn vay	06 tháng theo từng khế ước nhận nợ
Lãi suất vay	Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời điểm và được ghi trên từng lần giải ngân, giấy nhận nợ và thỏa thuận chung. + Ký quỹ tại MB Bank, tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi/sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá do MB Bank phát hành;
Hình thức đảm bảo tiền vay	+ Tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi/sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá do Tổ chức tín dụng phát hành được MB Bank chấp nhận; + Bất động sản; Phương tiện vận tải; Máy móc thiết bị + Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB Bank tài trợ
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	49.683.994.057 VND

**5.16. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(30.057.469.584)	109.510.246.307
Lãi trong năm trước	-	-	2.764.662.561	2.764.662.561
Số dư tại 31/12/2024	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(27.292.807.023)	112.274.908.868
Số dư tại 01/01/2025	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(27.292.807.023)	112.274.908.868
Lỗ trong năm này	-	-	(2.164.440.657)	(2.164.440.657)
Số dư tại 31/12/2025	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(29.457.247.680)	110.110.468.211

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty xây lắp và thương mại Petrolimex	80.056.110.000	80.056.110.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Logigo	15.081.000.000	-
Các cổ đông khác	56.856.340.000	71.937.340.000
<b>Tổng</b>	<b>151.993.450.000</b>	<b>151.993.450.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	151.993.450.000	151.993.450.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	151.993.450.000	151.993.450.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.199.345	15.199.345
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.199.345	15.199.345
Cổ phiếu phổ thông	15.199.345	15.199.345
Số lượng cổ phiếu được mua lại	989.120	989.120
Cổ phiếu phổ thông	989.120	989.120
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.210.225	14.210.225
Cổ phiếu phổ thông	14.210.225	14.210.225
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**

**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	47.937,55	8.365,34
Tương ứng tiền VND	1.246.920.311	229.349.187
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	796,68	1.806
Tương ứng tiền VND	24.125.063	47.287.229

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>639.865.912.159</b>	<b>617.135.598.033</b>
Doanh thu bán hàng nội địa	81.770.166.009	166.195.221.795
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	556.629.455.185	448.132.078.902
Doanh thu cho thuê hoạt động và cung cấp dịch vụ khác	1.466.290.965	2.808.297.336
<b>b) Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>116.874.005</b>	<b>149.479.974</b>
Chiết khấu thương mại	12.485.485	149.479.974
Hàng bán bị trả lại	104.388.520	-
<b>c) Doanh thu thuần (a) - (b)</b>	<b>639.749.038.154</b>	<b>616.986.118.059</b>
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	-	45.080.000

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng bán nội địa	72.855.313.781	165.992.597.990*
Giá vốn hàng bán xuất khẩu	529.104.061.573	404.511.645.914
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (962.717.851)	(962.717.851)	-
<b>Tổng</b>	<b>600.996.657.503</b>	<b>570.504.243.904</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.945.929	3.445.129
Cổ tức, lợi nhuận được chia	603.454.000	507.632.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.992.757.691	7.263.470.007
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	320.269.749
<b>Tổng</b>	<b>5.599.157.620</b>	<b>8.094.817.285</b>
<i>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	-	320.269.749

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	14.358.114.197	9.149.328.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	622.476.203	1.017.472.814
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.520.539.506	3.449.762.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	121.959.815	-
<b>Tổng</b>	<b>19.623.089.721</b>	<b>13.616.563.343</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>12.194.645.652</b>	<b>18.051.901.570</b>
Chi phí nhân viên	1.338.185.836	5.052.399.414
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	1.493.695	17.084.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.843.432.729	12.982.417.276
Chi phí bằng tiền khác	11.533.392	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>14.570.600.043</b>	<b>19.365.470.736</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.299.613.046	11.685.183.667
Chi phí đồ dùng văn phòng	266.888.983	507.926.832
Chi phí khấu hao TSCĐ	934.290.997	1.094.583.377
Thuế phí và lệ phí	100.165.000	123.335.930
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	-	(458.769.136)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.586.983.130	4.730.551.451
Chi phí bằng tiền khác	1.382.658.887	1.682.658.615
<b>Tổng</b>	<b>26.765.245.695</b>	<b>37.417.372.306</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông  
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Xử lý nguyên liệu thừa	385.047.776	-
Các khoản khác	20.755.318	44
<b>Tổng</b>	<b>405.803.094</b>	<b>44</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí giao thiếu hàng	516.644.083	-
Các khoản khác	16.802.523	18.563.795
<b>Tổng</b>	<b>533.446.606</b>	<b>18.563.795</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(127.643.512)</b>	<b>(18.563.751)</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	586.187.874.495	407.427.239.493
Chi phí nhân công	14.354.626.665	27.310.369.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.415.471.723	2.568.305.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.424.945.881	23.258.855.962
Chi phí khác bằng tiền	1.497.382.279	1.682.658.615
<b>Tổng</b>	<b>624.880.301.043</b>	<b>462.247.428.810</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(2.164.440.657)</b>	<b>3.524.192.040</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>593.495.501</b>	<b>781.087.754</b>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	471.982.832	781.087.754
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	121.512.669	-
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>603.454.000</b>	<b>507.632.400</b>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	603.454.000	507.632.400
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(2.174.399.156)</b>	<b>3.797.647.394</b>
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(2.174.399.156)</b>	<b>3.797.647.394</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>759.529.479</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>759.529.479</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường An Đông  
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan****a. Danh sách các bên liên quan:**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty xây lắp và thương mại Petrolimex	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con
3	Công ty Bảo hiểm PIJCO Sài Gòn	Cùng tập đoàn
4	Chi nhánh Xăng Dầu Sài Gòn - Công ty Xăng dầu khu vực II TNHH Một Thành Viên	Cùng tập đoàn
5	Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn)	Cùng tập đoàn
6	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với bên liên quan như sau:

**b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát****b1. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trần Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT, Nguyên Quyền Tổng Giám đốc	501.926.000	536.032.000
Ông Vũ Cường	Thành viên HĐQT	69.600.000	41.600.000
Bà Đậu Khánh Phương	Thành viên HĐQT	69.600.000	41.600.000
Ông Nguyễn Đức Cường	Thành viên HĐQT độc lập	69.600.000	41.600.000
Ông Trần Minh Huỳnh	Nguyên Thành viên HĐQT	-	35.200.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	Nguyên Thành viên HĐQT	-	35.200.000
Ông Nguyễn Đức Huấn	Nguyên Thành viên HĐQT độc lập	-	35.200.000
<b>Tổng</b>		<b>710.726.000</b>	<b>766.432.000</b>

**b2. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban	69.600.000	41.600.000
Bà Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	Thành viên	192.000.000	104.000.000
Bà Lê Thúy Đào	Thành viên	43.200.000	312.800.000
Bà Trần Thị Lan	Nguyên Thành viên	-	26.400.000
Bà Trần Thị Hương	Nguyên Thành viên	-	26.400.000
<b>Tổng</b>		<b>304.800.000</b>	<b>511.200.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b3. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Huỳnh Đức Thông	Nguyên Tổng Giám đốc	-	141.257.000
Ông Trần Minh Huỳnh	Tổng Giám đốc	360.000.000	-
Ông Vũ Văn Cung	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	112.000.000
Ông Văn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	385.828.826	344.424.000
Ông Nguyễn Văn Hải	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	198.400.000
Bà Trần Thị Mỹ Trang	Phó Tổng Giám đốc	74.400.000	-
<b>Tổng</b>		<b>820.228.826</b>	<b>796.081.000</b>

**B4. Lương và các lợi ích khác của Người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Trần Thị Mỹ Trang	Nguyên Kế toán trưởng	217.600.000	355.200.000
Bà Ngô Bích Hạnh	Nguyên phụ trách quản trị Công ty	-	380.069.480
Bà Nguyễn Thị Hà Giang	Nguyên Phụ trách quản trị Công ty	-	202.784.880
Bà Vũ Thị Lan Anh	Phụ trách quản trị Công ty	75.000.000	30.394.700
<b>Tổng</b>		<b>292.600.000</b>	<b>968.449.060</b>

**c. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Giao dịch mua</b>		<b>1.575.369.490</b>	<b>2.828.215.129</b>
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Mua phí bảo hiểm	218.668.366	382.000.058
Chi Nhánh Xăng Dầu Sài Gòn - Công ty Xăng dầu khu vực II TNHH Một Thành Viên	Mua hàng hóa	133.577.284	1.280.888.158
Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn)	Mua hàng hóa	1.223.123.840	1.165.326.913

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Giao dịch bán</b>		-	<b>45.080.000</b>
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Thiết Bị Xăng Dầu Petrolimex	Bán hàng hóa	-	45.080.000
<b>Giao dịch khác</b>		-	<b>320.269.749</b>
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Lãi trả chậm	-	320.269.749

**d. Số dư chủ yếu với các bên liên quan**

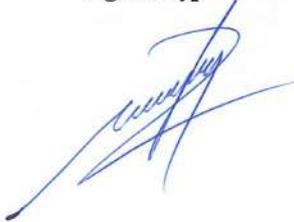
<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>140.337.752</b>	<b>100.521.015</b>
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	21.300.633	416.790
Chi Nhánh Xăng Dầu Sài Gòn - Công ty Xăng dầu khu vực II TNHH Một Thành Viên	358.187	24.425.479
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	118.678.932	75.678.746

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

**Người lập**



**Phạm Thị Mỹ Dung**

**Phụ trách kế toán**



**Hồ Thị Hòa**

**Tổng Giám đốc**



**Trần Minh Huỳnh**



PETROLIMEX

Số : **46** /2026/PIT-CBTTv/v: Giải trình BCTC đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2026

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ vào thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán năm tài chính 2025 lỗ. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex xin giải trình như sau:

• **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ:**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng (Giảm)	%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	639.749.038.154	616.986.118.059	22.762.920.095	3.7%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-2.164.440.657	2.764.662.561	-4.929.103.218	-178.3%

• **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT:**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng (Giảm)	%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	692.028.130.119	735.748.241.294	-43.720.111.175	-5.9%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-2.121.226.046	2.851.329.228	-4.972.555.274	-174.4%

Doanh thu năm 2025 tăng khoảng 23 tỷ so với doanh thu năm 2024 tương đương 3.7% (báo cáo tài chính công ty mẹ) và giảm 43 tỷ tương đương 5.9% (báo cáo tài chính công ty hợp nhất). Tuy nhiên do trong kỳ Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty con, dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trên cả báo cáo riêng và hợp nhất ghi nhận lỗ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN MINH HUỲNH**